

## NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC CỦA GIẢNG VIÊN SƯ PHẠM

• Lê Thị Phương Hoa<sup>(\*)</sup>, Lê Như Hoa<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

*Hiện nay, theo định hướng giáo dục phổ thông, đặc biệt là đào tạo giáo viên ở Việt Nam cần theo định hướng tiếp cận năng lực của các nước phát triển. Để hoàn thành mục đích này, trước tiên, các trường đại học sư phạm phải xây dựng lại chương trình đào tạo hiện tại để có thể lựa chọn xu hướng giáo dục tiến bộ. Phát triển chương trình đào tạo là một giai đoạn không thể thiếu trong các chương trình phát triển của trường đại học. Với chức năng giảng dạy, mỗi giảng viên sư phạm phải có sự chủ động và tích cực để thực hiện nhiệm vụ này. Để làm sáng tỏ thực trạng năng lực phát triển chương trình của giảng viên sư phạm, chúng tôi tiến hành nghiên cứu 317 giáo viên Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên và Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ.*

*Từ khóa: Năng lực, giảng viên sư phạm, phát triển chương trình, môn học, phát triển chương trình môn học.*

### 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, theo định hướng mới, giáo dục Việt Nam nói chung và đào tạo giáo viên nói riêng cần tiếp cận cách làm mới của các nước tiên tiến, đó là đào tạo theo năng lực. Để thực hiện được mục tiêu này, trước mắt các trường sư phạm phải kiến tạo lại chương trình đào tạo hiện hành để có thể đón trước xu hướng tiến bộ của giáo dục. Phát triển chương trình môn học là một khâu không thể thiếu trong phát triển chương trình đào tạo của nhà trường. Với chức năng giảng dạy, người giảng viên (GV) sư phạm phải có năng lực thực hiện công việc này. Để làm rõ thực trạng năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm, chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 317 GV Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên và khối Sư phạm, Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ.

### 2. Thực trạng năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm

#### 2.1. Khái niệm năng lực phát triển chương trình môn học

Năng lực là khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ để giải quyết hiệu quả một tình huống hoặc một hoạt động thực tiễn xác định. Vị thế của một trường đại học trong xã hội được xem xét trên ba khía cạnh cơ bản: chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, năng lực và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, chất lượng các dịch vụ xã hội. Bởi vậy, GV sư phạm cũng được xem như là một hình mẫu trong ba chức năng chính dạy học,

nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Do tính chất đặc thù của lao động sư phạm nên người GV sư phạm cần có sự hiểu biết về chương trình, phát triển chương trình đào tạo nói chung, nội dung môn học và các yêu cầu cơ bản của bộ môn để có thể xây dựng đầy đủ, chính xác mục tiêu môn học về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Cụ thể: Phải hiểu về ý tưởng trọng tâm, chủ đạo của môn học và liên hệ kiến thức với thực tế các lĩnh vực của cuộc sống; Có khả năng thiết kế kế hoạch bài học và tổ chức hoạt động lớp học theo tinh thần đổi mới; Có khả năng nhận thức được mức độ hiểu bài của sinh viên để có mức độ quan tâm phù hợp với từng đối tượng sinh viên; Biết sử dụng các phương pháp cho phù hợp để có thể phát huy tính tích cực học tập của sinh viên; Có khả năng sử dụng, khai thác và thiết kế bài tập cho sinh viên: trong quá trình giảng dạy, GV cần sáng tạo trong sử dụng, khai thác và thiết kế bài tập cho sinh viên; Có khả năng phân tích, đánh giá, thiết kế đề kiểm tra cho sinh viên và sinh hoạt tổ chuyên môn. Thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn, GV thiết lập được mối quan hệ với đồng nghiệp để có thể chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm giảng dạy lẫn nhau. Tất cả những khả năng này đều được thể hiện trong chính quá trình GV phát triển chương trình môn học.

Như vậy có thể hiểu: năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm là khả năng vận dụng tổng hợp, kiến thức, kỹ năng sư phạm, thái độ của GV sư phạm nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động phát triển chương trình đào tạo, biên soạn đề cương môn học và biên soạn

<sup>(\*)</sup> Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.

giáo trình, học liệu phục vụ dạy học đáp ứng mục tiêu đào tạo giáo viên.

Từ cách hiểu này, có thể khái quát năng lực

phát triển chương trình môn học của GV sư phạm gồm 3 năng lực thành phần cơ bản với những biểu hiện cụ thể sau:

**Bảng 1. Biểu hiện của năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm**

TT	Năng lực phát triển chương trình môn học	Các mặt biểu hiện cụ thể
1	Phát triển chương trình đào tạo	Xác định mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo và sứ mạng của cơ sở đào tạo
		Lập kế hoạch, tổ chức biên soạn chương trình khung Lập kế hoạch, tổ chức biên soạn chương trình chi tiết
		Đánh giá, cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo
2	Biên soạn đề cương môn học	Viết mục tiêu môn học tham chiếu tới chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
		Lựa chọn tài liệu tham khảo cho môn học
		Phân tích, lựa chọn và cấu trúc nội dung môn học
		Đề xuất chuẩn đánh giá môn học
Hoàn thiện đề cương		
3	Biên soạn giáo trình, học liệu phục vụ dạy học	Biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình mang tính hướng dẫn tự học
		Biên soạn, sưu tầm học liệu phục vụ dạy học

## 2.2. Thực trạng năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm

Năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm được bộc lộ qua các năng lực thành phần. Mỗi năng lực thành phần gồm nhiều công việc cụ thể. Xét về cấu trúc, mỗi năng lực thành phần bao gồm cả kiến thức, kỹ năng, thái độ. Tuy nhiên, kiến thức, kỹ năng, thái độ là những yếu tố rất khó để đo được. Do đó, để đo năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm bắt buộc phải thông qua kết quả hoạt động nghề nghiệp của họ. Bởi vì, chỉ khi họ nắm được kiến thức về phát triển chương trình môn học, có kỹ năng sư phạm, có thái độ tích cực thì mới có thể làm ra sản phẩm hoàn hảo, đáp ứng kì vọng. Khi đó, có thể khẳng định họ đã có khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ vào việc thực hiện hoạt động phát triển chương trình môn học của bản thân.

Để làm rõ thực trạng năng lực phát triển chương trình môn học, chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu như nghiên cứu

các kinh nghiệm nước ngoài về phát triển chương trình, tham khảo qui trình phát triển chương trình môn học của một số trường sư phạm trong nước, trò chuyện với GV, nghiên cứu các đề cương môn học, giáo trình, đề cương bài giảng của GV... để xây dựng phiếu hỏi. Kết quả nghiên cứu được xử lý trên phần mềm SPSS 16.0 với cách đánh giá như sau: Mức kém được đánh giá bằng điểm trung bình (ĐTB) thấp nhất là 1 và mức tốt có ĐTB cao nhất là 5. Điểm càng cao thì mức độ biểu hiện năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm càng cao. Tương đương với 5 mức độ: Mức tốt: "ĐTB + 3 ĐLC"; Mức khá: "ĐTB + 2 ĐLC"; Mức trung bình: "ĐTB ± 1 ĐLC"; Mức yếu: "ĐTB - 2 ĐLC"; Mức kém: "ĐTB - 3 ĐLC". Việc phân loại các mức độ biểu hiện của năng lực phát triển chương trình môn học ở GV thông qua 3 năng lực thành phần được xác định căn cứ vào kết quả ĐTB và độ lệch chuẩn (ĐLC) của phân bố kết quả thu được. Cụ thể là:  $4,14 \leq \text{Mức tốt} \leq 5$ ;  $3,77 < \text{Mức khá} < 4,13$ ;  $3,02 < \text{Mức trung bình} \leq 3,76$ ;  $2,65 \leq \text{Mức yếu} < 3,01$ ;  $1 \leq \text{Mức kém} < 2,64$ .

**Bảng 2. Kết quả đánh giá của GV về "Phát triển chương trình môn học"**

STT	Phát triển chương trình môn học	ĐTB	ĐLC
<i>I</i>	<i>Phát triển chương trình đào tạo</i>	<b>3,55</b>	<b>0,97</b>
1	Tham gia biên soạn chương trình khung, chương trình chi tiết	3,22	1,12
2	Xác định đầy đủ, rõ ràng mức độ kiến thức, kỹ năng, thái độ sinh viên cần đạt được sau khi học xong học phần/môn học hướng tới chuẩn đầu ra	3,23	1,11

3	Biên soạn chương trình học phần/môn học phù hợp với khung chương trình	4,21	0,76
4	Cập nhật, cải tiến chương trình môn học/học phần	4,27	0,75
5	Xác định đầy đủ, rõ ràng mức độ kỹ năng sinh viên cần đạt được cho bài thực hành hoặc thí nghiệm thuộc học phần	3,29	1,02
6	Biên soạn nội dung chương trình môn học/học phần phù hợp với trình độ sinh viên, gắn với chương trình và thực tiễn giáo dục phổ thông	3,09	1,11
<b>II</b>	<b><i>Biên soạn đề cương học phần/môn học</i></b>	<b>3,73</b>	<b>0,79</b>
7	Viết mục tiêu học phần/môn học hướng tới chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3,90	0,89
8	Phân tích, lựa chọn và cấu trúc lại nội dung học phần/môn học hướng tới chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4,17	0,85
9	Thiết kế/đề xuất chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của học phần/môn học	3,40	0,88
10	Thiết kế/đề xuất cách thức đánh giá học phần/môn học theo định hướng kiểm soát đầu ra	2,69	0,60
11	Hướng dẫn sinh viên tìm kiếm, lựa chọn tài liệu, tư liệu tham khảo cho học phần/môn học	4,49	0,75
<b>III</b>	<b><i>Biên soạn bài giảng, giáo trình, học liệu môn học</i></b>	<b>3,67</b>	<b>0,85</b>
12	Vận dụng được các lý thuyết sư phạm vào việc biên soạn bài giảng/giáo trình/học liệu phù hợp môn học	4,32	0,88
13	Biên soạn giáo trình theo hướng tiếp cận tự học, tự nghiên cứu	3,12	0,97
14	Sưu tầm học liệu phục vụ hoạt động dạy và học	4,36	0,68
15	Biên soạn tài liệu phục vụ hoạt động dạy và học	4,27	0,9
16	Dịch thuật hoặc biên dịch tài liệu phục vụ hoạt động dạy và học	2,54	0,75
17	Giáo trình/bài giảng/học liệu môn học được cập nhật, bổ sung định kỳ phù hợp với thực tiễn phổ thông	3,54	0,95
18	Giáo trình/bài giảng/học liệu được biên soạn phù hợp với trình độ kiến thức và hiểu biết của sinh viên	3,57	0,87
<b>Tổng</b>		<b>3,65</b>	<b>0,87</b>

Có thể thấy rằng, mặc dù khuynh hướng tự đánh giá của GV ở năng lực này xoay quanh mức “Trung bình” và “Khá”, song xem xét từng công việc cụ thể thì thấy GV còn yếu trong việc "Thiết kế/đề xuất cách thức đánh giá học phần/môn học theo định hướng kiểm soát đầu ra" và "Dịch thuật hoặc biên dịch tài liệu phục vụ hoạt động dạy và học". Kết quả điều tra cũng phản ánh đúng những tồn tại hiện nay ở các trường sư phạm nói chung, hai trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên và Đại học Hùng Vương nói riêng. Nhiều GV không có kiến thức về ngoại ngữ; sự hạn chế về năng lực ngoại ngữ không chỉ thể hiện trong kỹ năng đọc, dịch tài liệu mà còn bộc lộ ngay trong đề cương môn học (mục tóm tắt môn học bằng tiếng Anh được các GV đưa vào phần mềm translate.com nên thiếu chuẩn xác); nhiều GV thờ ơ với việc học tập, bồi dưỡng ngoại ngữ. Lý giải cho vấn đề này, các nguyên nhân đã được chỉ ra: Khi chuyển sang đào tạo tín chỉ, thời gian lên lớp của GV từ 6 giờ 45 phút đến 21 giờ, nhiều

hoạt động của khoa thường phải tổ chức vào buổi tối hoặc ngày nghỉ cuối tuần mới có thể tập trung được đông đảo GV, vì thế GV rất khó sắp xếp công việc để tham gia học ngoại ngữ đầy đủ. Từ năm học 2013 - 2014, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên yêu cầu GV trẻ (dưới 45 tuổi) tự đăng ký trình độ ngoại ngữ theo chuẩn. GV tự học, 6 tháng một lần nhà trường sẽ tổ chức thi sát hạch và gửi kết quả về từng khoa. GV nào đang là thạc sĩ nhưng vẫn đạt chuẩn B2 châu Âu trước tháng 12/2015 sẽ nhận được phần thưởng của nhà trường. Đây có thể là lý do khiến tiêu chí “Dịch thuật hoặc biên dịch tài liệu phục vụ hoạt động dạy và học” được GV Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đánh giá ở mức cao hơn so với Trường Đại học Hùng Vương, bởi Trường Đại học Hùng Vương hiện tại vẫn chưa áp dụng những biện pháp tương tự (Bảng 2- phụ lục 11).

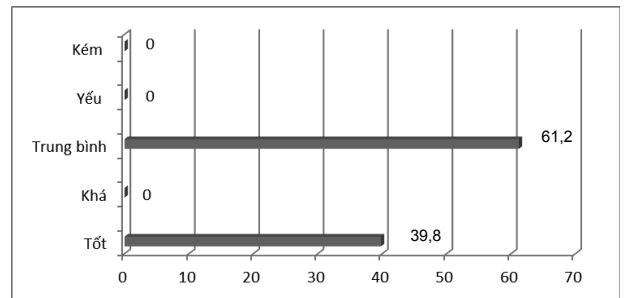
Việc "Thiết kế/đề xuất cách thức đánh giá học phần/môn học theo định hướng kiểm soát đầu ra" cũng là một trong những hạn chế của nhiều GV.

Những hình thức đánh giá được đa số GV đề xuất trong đề cương môn học: đánh giá theo điểm thi giữa kì, thi hết môn và tính điểm chuyên cần. Cách đánh giá này hoàn toàn không mới so với đào tạo niên chế. Mặc dù nhà trường đã tổ chức tập huấn về kỹ thuật đánh giá trong dạy học cho tất cả GV, song theo ý kiến chung của các GV, bản hướng dẫn của nhà trường không rõ ràng nên GV không hiểu, họ tự xây dựng tiêu chí đánh giá theo cách hiểu của mình nên thiếu sự thống nhất trong cách đánh giá giữa các GV. Sự thiếu tích cực trong suy nghĩ, tâm lý ngại thay đổi đã khiến nhiều GV vẫn duy trì những thói quen của phương thức dạy học cũ. Kết quả của sự ngại thay đổi này là nhiều GV đã nhận được ý kiến phản hồi từ người học cho rằng thiếu khách quan trong đánh giá.

Thực tế đào tạo trong các trường sư phạm hiện nay (trường sư phạm không thu hút được học sinh giỏi; số lượng thí sinh dự thi ngày càng thu hẹp; năng lực của sinh viên tốt nghiệp sư phạm chưa đáp ứng được yêu cầu của giáo dục phổ thông; nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học sư phạm loại giỏi, khá không xin được việc, phải làm trái nghề)... đang đặt ra cho các nhà quản lý một bài toán về tính phù hợp của chương trình hiện tại. Các nhà quản lý cần nhận thức rõ một điều rằng đã đến lúc phải thay đổi lại khung chương trình cho từng chuyên ngành đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực (giảm lý thuyết, tăng thực hành). Việc xây dựng chương trình được đưa về các khoa, các khoa phân về các tổ bộ môn và phải tuân thủ theo đúng lộ trình và phát huy cao độ tính tự chủ của GV. Đề cương môn học phải theo mẫu của nhà trường; trên đề cương phải hiển thị chi tiết, rõ ràng số tiết lý thuyết, thảo luận, thực hành và thang điểm đánh giá với trọng số cụ thể; nội dung tri thức cập nhật. Sau khi hoàn thiện khung chương trình, tổ bộ môn sẽ phân công trực tiếp GV phụ trách môn nào sẽ xây dựng đề cương của chính môn đó. Thực tế cho thấy, những gì các trường/khoa đã làm được chưa thực sự đồng bộ. Do chưa có kinh nghiệm trong xây dựng chương trình nên thời gian đầu hầu hết GV đều lúng túng khi thực hiện công việc này. Chẳng hạn, khoa Tâm lý - Giáo dục, khoa Giáo dục tiểu học, khoa Giáo dục mầm non của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên - thực hiện xây dựng khung chương trình từ tháng 6/2014 và đến cuối tháng 8 mới hoàn

thiện. Việc xây dựng khung chương trình của mỗi khoa chỉ được thực hiện bởi một nhóm GV, thường là các GV cốt cán; mẫu đề cương môn học được chuyển về cho các khoa nhưng do không có chỉ dẫn rõ ràng nên GV phải làm đi làm lại nhiều lần; việc thực hiện đề cương môn học, đề cương bài giảng ở một số GV còn mang tính hình thức, sơ sài; nhiều GV cho rằng họ làm đề cương bài giảng cho đủ điều kiện trong hồ sơ GV khi lên lớp...

Có thể thấy rằng phát triển chương trình môn học là một khía cạnh quan trọng trong cấu trúc năng lực nghiệp vụ sư phạm của người GV. Tuy nhiên, theo đánh giá của GV năng lực này chủ yếu đạt mức trung bình, một bộ phận GV làm tốt song không nhiều.

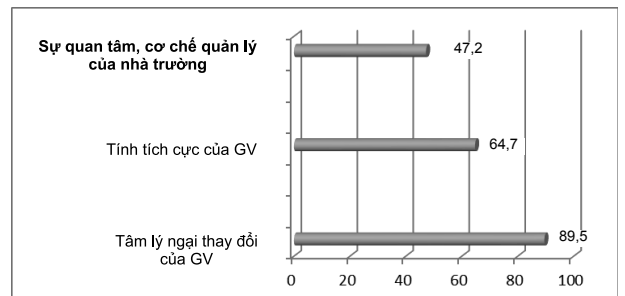


**Biểu đồ 1. Thực trạng năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm**

Thiết nghĩ, để thực hiện công việc này hiệu quả, mọi GV cần nhận thức được sự cần thiết của việc phát triển chương trình môn học, họ cần được cung cấp kiến thức, kỹ năng và có thái độ nghiêm túc khi thực hiện.

**2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm**

Năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm chịu ảnh hưởng bởi cả yếu tố chủ quan và khách quan, trong đó yếu tố thuộc về bản thân GV có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất.



**Biểu đồ 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm**

Đứng ở vị trí số 1 về mức độ ảnh hưởng là yếu tố “Tâm lý ngại thay đổi của GV” (89,5% ý kiến). Thói quen ngại thay đổi là rào cản lớn nhất đối với GV trong quá trình thực hiện phát triển xây dựng chương trình môn học. Từ năm học 2014-2015, GV Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên bắt tay vào đổi mới xây dựng lại chương trình môn học, từ khâu viết đề cương môn học đến đề cương bài giảng giáo trình theo xu hướng giảm lý thuyết, tăng thực hành. Công việc viết đề cương chi tiết mất nhiều thời gian vì phải xây dựng mục tiêu theo 3 bậc (dựa trên thang Bloom), do đó nhiều GV với tâm lý ngại thay đổi rất khó thích nghi được với công việc này. Đến nay, công việc xây dựng đề cương môn học, đề cương bài giảng đã trở nên quen thuộc hơn với GV song vẫn còn một bộ phận GV chưa hoàn toàn chấp nhận sự thay đổi này.

Bên cạnh nhận thức của GV, xếp ở vị trí số 2 về mức độ ảnh hưởng là “tính tích cực của GV”. Tính tích cực của GV sẽ trở thành động lực giúp người GV trở nên năng động, luôn tìm tòi, sáng tạo và đổi mới. Tư duy đó sẽ kích thích GV tìm kiếm tài liệu, phối hợp nhiều phương pháp dạy học mới, các kĩ thuật dạy học tích cực và đa dạng các hình thức tổ chức dạy học để luôn làm mới đề cương môn học của mình (64,7% ý kiến).

Sự động viên, khuyến khích, cơ chế quản lý, giám sát của nhà trường cũng là yếu tố có ảnh hưởng đến năng lực phát triển chương trình môn học của GV. Sự động viên, khích lệ của Ban giám hiệu, các cán bộ quản lý sẽ tiếp thêm động lực để GV tự giác thực hiện việc phát triển chương trình môn học. Trên thực tế, dù GV ý thức được việc phát triển chương trình môn học là nhiệm vụ của bản thân song họ cũng mong muốn nhận được sự quan tâm, thấu hiểu, chia sẻ, khích lệ từ phía các nhà quản lý. Bên cạnh việc khích lệ, những chế tài, quy định nghiêm ngặt trong việc theo dõi, giám sát và quản lý việc thực hiện của GV cũng là yếu tố có ảnh hưởng đến năng lực phát triển chương trình môn học của GV (47,2% ý kiến).

### **3. Biện pháp phát triển năng lực phát triển chương trình môn học cho GV sư phạm**

**Biện pháp 1:** Cần nâng cao nhận thức cho GV, xóa bỏ tâm lý ngại thay đổi đang tồn tại ở một bộ phận GV bằng việc tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn ở cấp Khoa, Trường. Việc thực hiện

phát triển chương trình môn học hiện nay ở một bộ phận GV chỉ dừng lại ở bề nổi của hình thức mà chưa đi vào chiều sâu của chất lượng và chưa được thường xuyên, liên tục. Nó chưa trở thành nhu cầu tự thân của mỗi GV. Chỉ khi nào mỗi GV coi phát triển chương trình môn học như là một nhu cầu tự thân, không mang tính áp buộc từ bên trên, tự họ tìm tòi, không ngừng đổi mới và hoàn thiện tri thức, kỹ năng áp dụng và sáng tạo các phương pháp dạy học tích cực thì việc phát triển chương trình môn học mới thực sự sâu rộng, có hiệu quả và bền vững.

**Biện pháp 2:** Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên cho GV về phát triển chương trình môn học. Tập huấn cho cán bộ cốt cán về quy trình xây dựng một đề cương chi tiết môn học; Xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể và ví dụ minh họa để GV dễ dàng định hình các bước xây dựng đề cương, cấu trúc của đề cương chi tiết; cung cấp cho GV mẫu đề cương bài giảng để có sự thống nhất trong toàn trường...

**Biện pháp 3:** Tăng cường cơ chế quản lý, giám sát GV trong quá trình GV phát triển chương trình môn học; tăng cường mối liên hệ giữa trường sư phạm với trường phổ thông; có chính sách động viên, khích lệ đối với GV, tạo động lực để tăng cường tính tích cực, sáng tạo, tìm tòi, không ngừng thay đổi của mỗi GV trong quá trình thực hiện việc phát triển chương trình môn học.

Thực tế cho thấy, chất lượng đào tạo ở các cơ sở đào tạo giáo viên hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu của giáo dục phổ thông. Do đó, để nâng cao chất lượng giáo dục cần có sự phối hợp giữa trường sư phạm và nơi tiếp nhận, sử dụng sản phẩm đào tạo của các trường sư phạm. Mục tiêu của sự phối hợp này nhằm hình thành mối quan hệ gắn kết giữa quá trình đào tạo ở trường sư phạm với thực tiễn giáo dục ở trường phổ thông. Trong quá trình đào tạo sinh viên, người GV sư phạm cần nắm được các yêu cầu dạy học ở nhà trường phổ thông để chất lượng nội dung kiến thức, xây dựng đề cương môn học, đề cương bài giảng sát với chương trình của giáo dục phổ thông. Kiến thức các cấp học đồng tâm, kế thừa với nhau, nhưng mỗi cấp giải quyết một cách khác nhau, mức độ sâu, hẹp cũng khác nhau. Do đó, nhà trường sư phạm cần tạo điều kiện để GV được tiếp cận với môi trường dạy học ở phổ

thông để tích lũy kinh nghiệm thực tế và vận dụng vào việc giảng dạy cho sinh viên.

#### 4. Kết luận

Năng lực phát triển chương trình môn học là một khía cạnh quan trọng cấu trúc năng lực nghiệp vụ sư phạm của người GV. Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy, theo tự đánh giá của GV Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên và Đại học Hùng Vương, năng lực này chủ yếu đạt mức trung bình, số lượng GV có biểu hiện tốt về năng lực này còn hạn chế.

Năng lực phát triển chương trình môn học của GV sư phạm chịu ảnh hưởng bởi cả yếu tố chủ quan và khách quan, trong đó yếu tố thuộc về bản thân GV có ảnh hưởng lớn nhất.

Do đó, để có được năng lực phát triển chương trình môn học, mỗi GV cần nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc phát triển chương trình môn học. Mặt khác, họ cần được bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng phát triển chương trình môn học, đồng thời phải có thái độ nghiêm túc khi thực hiện./.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Đinh Quang Báo (2010), “Mối quan hệ giữa chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của Đại học Sư phạm”, *Tạp chí Giáo dục*, số tháng 06/2010.
- [2]. Vũ Dũng (chủ biên), (2008), *Từ điển tâm lý học*, NXB Từ điển Bách khoa.
- [3]. Điều lệ trường đại học số 58/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, chương 6, điều 24, 25 ban hành ngày 21/9/2010
- [4]. Đoàn Văn Điều, (2011), “Một số phẩm chất của GV theo đánh giá của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, (số 25), tháng 1/2011 tr. 59-61.
- [5]. Quyết định số 61/2007/QĐ-BGDĐT về việc Ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho GV đại học, cao đẳng, Bộ GD-ĐT, ban hành ngày 16 tháng 10 năm 2007.

### PEDAGOGICAL FACULTY'S ABILITY TO DEVELOP SUBJECT COURSES

#### Summary

Vietnam's current school education, and teacher training in particular, should follow those developed countries' competence-approach. To this end, firstly, pedagogical universities have to renew their current training programs for selecting educational advancements. Curriculum improvement is indispensable in university development plans. For their instructional role, pedagogical teachers need actively fulfill this task. To find out pedagogical teachers' ability to develop curriculum, we investigated 317 teachers from Thai Nguyen University of Education and Hung Vuong University in Phu Tho.

Keywords: ability, pedagogical faculty, curriculum development, subject, develop the subject courses.

*Ngày nhận bài: 29/12/2016; Ngày nhận lại: 31/5/2017; Ngày duyệt đăng: 7/6/2017.*